TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 - 2023
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Rô và ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/ TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐ-ST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ E, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp R, xã T Y 1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Thống N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp R, xã T Y 1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Huệ E có mặt tại phiên tòa; anh N vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Huệ E trình bày như sau:

Chị Huệ E và anh N chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, anh chị có thực hiện việc

đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã T Y 1, huyện A B, tỉnh Kiên Giang ngày 21/8/2006.

Vợ chồng chung sống đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huệ E yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thống N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 12/11/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Lê Ngọc M, sinh ngày 13/09/2005, chị Huệ E yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngọc M và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Lê Thống N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Huệ E và anh N vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị Huệ E được ly hôn với anh N; Về con chung: Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 12/11/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Giao cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 13/09/2005 (Theo nguyện vọng cháu Minh) cho chị Huệ E tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị Huệ E không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị Huệ E không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống N tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Huệ E yêu cầu được ly hôn với anh N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung".

Chị Huệ E kết hôn với anh N trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 21/0282006, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huệ E, vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống N chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huệ E được ly hôn với anh Lê Thống N.

Về con chung: Chị Huệ E xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 12/11/2002 và Lê Ngọc M, sinh ngày 13/09/2005. Cháu Ngọc Đ hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, cháu Ngọc M có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Huệ E. Chị Huệ E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc M. Do đó, Hội đồng xét xử thống N giao cháu Lê Ngọc M cho chị Huệ E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huệ E không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị Huệ E xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Huệ E có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huệ E được ly hôn với anh Lê Thống N.

2. Về con chung: Cháu Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 12/11/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét; Giao cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 13/09/2005 cho chị Huệ E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huệ E về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản, tuy nhiên anh N không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị Huệ E xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huệ E có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003735 ngày 17 tháng 11 năm

2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Huệ E đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị Huệ E có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm